

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2621/SNN-KHTC ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị); thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định vào dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Về cơ bản nhất trí với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị quyết

Bên cạnh đó, đối với quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp nhận thấy toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết xác định quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, do đó theo ý kiến của Sở Tư pháp, quý cơ quan có thể cân nhắc, xem xét bổ sung cụm từ “Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP...” vào quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo sẽ cụ thể, đầy đủ hơn. Ví dụ như sau:

“Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

a) Về thẩm quyền: Phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 3 Điều 11, Điều 12 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Về nội dung dự thảo

- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo

Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định *“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”*

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định lại nội dung liên quan đến phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được quy định tại điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 21; điểm b khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, đề nghị quý cơ quan xem xét bỏ quy định về phương thức hỗ trợ tại dự thảo nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với quy định điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (Điều 3, Điều 6, Điều 9 dự thảo)

Điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định: *“Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này”*, theo đó, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP không giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Ngoài ra, tên gọi dự thảo và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh, theo đó tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết xác định không quy định điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia. Do đó việc quy định điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình Mục tiêu quốc gia tại Điều 3, Điều 6, Điều 9 dự thảo là không phù hợp với thẩm quyền được giao tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đồng thời không đảm bảo sự thống nhất giữa tên gọi, phạm vi điều chỉnh và nội dung dự thảo Nghị quyết.

Mặt khác, các điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được quy định tại khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, Điều 9 dự thảo tiếp tục quy định lại điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Do đó, từ các lý do trên, đề nghị quý cơ quan xem xét không quy định điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia tại dự thảo nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Tại Điều 4 dự thảo

+ Tại khoản 1 Điều 4

Đề nghị quý cơ quan bổ sung từ “và miền núi” vào cụm từ “Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” tại khoản 1 Điều 4 dự thảo nhằm đảm bảo quy định đúng tên gọi của Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

“1. Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết...thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”

Tương tự, đề nghị rà soát bổ sung cụm từ “và miền núi” vào sau cụm từ “chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” tại khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 7 dự thảo Quy định.

+ Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo

Đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch theo các lĩnh vực” vào đoạn quy định “...tối đa 80% ở địa bàn đặc biệt khó khăn, 70% ở địa bàn khó khăn, 50 % ở địa bàn còn lại và không quá 01 tỷ đồng/ dự án, kế hoạch liên kết” nhằm đảm bảo nội dung quy định được rõ ràng, đầy đủ. Ví dụ như sau:

“h) Mức hỗ trợ các nội dung tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều này... tối đa 80% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch theo các lĩnh vực ở địa bàn đặc biệt khó khăn... và không quá 01 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết.”

- Đề nghị thay từ “GIAO” thành từ “THEO” tại tiêu đề Chương IV nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 23 nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các Thông tư có liên quan, cụ thể như sau:

“Chương IV

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ”

- Tại Điều 13 dự thảo

+ Tại khoản 1 Điều 13 dự thảo quy định *“Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 15/2022/TT-BTC, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các thông tư của các Bộ, ngành là chủ chương trình, chủ dự án thành phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan”*

Đối với nội dung quy định trên, theo ý kiến của Sở Tư pháp, hiện nay đã có Thông tư hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các Bộ, ngành có liên quan gồm Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-UBND, Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Do đó, đề nghị quý cơ quan xem xét quy định theo hướng liệt kê cụ thể các Thông tư của các Bộ, ngành có liên quan tại khoản 1 Điều 13 dự thảo sẽ cụ thể, rõ ràng hơn.

- Đề nghị chuyển khoản 3 Điều 13 dự thảo đến quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết sẽ hợp lý hơn, ví dụ như sau:

“Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày... tháng... năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm... và thay thế Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày... tháng... năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khuyến khích phát triển nông nghiệp...”

- Đề nghị rà soát chỉnh sửa “Thông tư số 46/2022/TT-BLĐTBXH” thành “Thông tư số 46/2022/TT-BTC” tại khoản 7 Điều 4, khoản 5 Điều 7 dự thảo.

3. Ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày văn bản

a) Về ngôn ngữ

- Về cơ bản, ngôn ngữ được sử dụng trong dự thảo đã đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

b) Về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản

- Đề nghị sửa “**KỶ HỌP THỨ 12**” thành “**KỶ HỌP THỨ 13**” tại đoạn “**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ, KHOÁ VIII, KỶ HỌP THỨ 12**” đồng thời thay từ “kỳ họp thứ 12” thành “kỳ họp thứ 13” tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau: “Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng năm 2022...”.

- Căn cứ ban hành văn bản:

+ Tại dòng căn cứ thứ 8 (từ trên xuống) đề nghị trình bày đúng tên gọi của Thông tư số 53/2022/TT-BTC, cụ thể như sau:

“*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TTBTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*”

+ Đề nghị bỏ từ “ướng dẫn” tại căn cứ thứ 2 (từ dưới lên), cụ thể như sau:

“*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*”

Đề nghị chỉnh sửa lại căn cứ cuối cùng như sau:

“*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng*

Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.”

- Bộ cục văn bản:

Đề nghị trình bày các Điều theo đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. (Ví dụ: tiêu đề Điều 2 dự thảo nghị quyết trình bày như sau “**Điều 2. Tổ chức thực hiện**”, tại Điều 11 dự thảo Quy định trình bày như sau: “**Điều 11. Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục**”)

- Viện dẫn văn bản:

Đề nghị thực hiện viện dẫn văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (“*1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.*”)

4. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị chỉnh sửa tên gọi dự thảo Tờ trình theo đúng mẫu 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”

b) Tại phần III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN chỉ nêu quá trình nghiên cứu xây dựng dự thảo và lấy ý kiến dự thảo, chưa nêu được quy trình gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, để phản ánh một cách rõ ràng tại dự thảo Tờ trình việc quý cơ quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, đề nghị quý cơ quan bổ sung nội dung liên quan đến việc gửi hồ sơ thẩm định vào phần III dự thảo Tờ trình cho hợp lý.

c) Đề nghị bổ sung đoạn cuối dự thảo Tờ trình theo đúng mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và dự thảo Quy định kèm theo; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức; bản chụp ý kiến góp ý, các tài liệu khác).”

II. KẾT LUẬN: Từ những ý kiến thẩm định trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành sau khi đã bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện lại theo ý kiến thẩm định nêu trên của Sở Tư pháp và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp vào dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lưu: VT, XD&KTVBQPPL.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Kỳ